

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN E-VIỆT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-18
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09-18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: E- VIET SECURITIES CORPORATION. Tên viết tắt là: EVS.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà 16 - Lô 14A - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.100.000.000 VND (Bốn mươi hai tỷ đồng). Tương đương 3.510.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dương	Chủ tịch	
Ông Đỗ Anh Đức	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 13/07/09)
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 23/01/09)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Huyền	Tổng giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 13/07/09)
Ông Đỗ Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 13/07/09)
Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 23/01/2009)
Ông Đỗ Anh Đức	Quyền Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 23/01/2009, miễn nhiệm ngày 13/07/2009)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Hương Mai	Trưởng ban
------------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010



Đỗ Thị Huyền



Số: 260/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt được lập ngày 22 tháng 02 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 05 năm 2008 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty không đăng ký thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Việc đầu tư tài chính của công ty được thực hiện dưới hình thức ủy thác đầu tư mua, bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết thông qua các cá nhân. Số liệu phản ánh trên khoản mục "đầu tư ngắn hạn khác" là số liệu các khoản đầu tư tài chính do công ty ủy thác đầu tư.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biền

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.263.373.106	23.645.421.018
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.957.206.662	13.789.249.599
111	1 Tiền		2.957.206.662	13.789.249.599
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	10.260.322.212	6.347.766.920
121	1 Đầu tư ngắn hạn		10.260.966.438	7.631.713.375
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(644.226)	(1.283.946.455)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn	6	5.128.081.397	3.367.207.548
131	1 Phải thu của khách hàng		1.879.354.727	-
132	2 Trả trước cho người bán		-	3.080.707.548
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	266.500.000
135	3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	20.000.000
138	4 Các khoản phải thu khác		3.248.726.670	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		917.762.835	141.196.951
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	7	616.030.435	52.196.951
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		301.732.400	89.000.000
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		9.344.233.059	9.017.678.035
220	II Tài sản cố định	8	8.060.798.496	4.473.746.108
221	1 Tài sản cố định hữu hình		5.067.753.993	4.012.547.558
222	- Nguyên giá		6.385.200.589	4.260.981.937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.317.446.596)	(248.434.379)
227	2 Tài sản cố định vô hình		2.993.044.503	461.198.550
228	- Nguyên giá		3.311.839.130	507.302.375
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(318.794.627)	(46.103.825)
260	V Tài sản dài hạn khác		1.283.434.563	4.543.931.927
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	9	1.136.879.852	1.986.235.957
263	2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	128.771.705	120.000.000
268	3 Tài sản dài hạn khác	11	17.783.006	2.437.695.970
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.607.606.165	32.663.099.053

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		6.795.439.532	5.849.754.324
310	I Nợ ngắn hạn		6.795.439.532	5.849.754.324
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	578.125.000	-
312	1 Phải trả người bán		1.118.557.600	306.331.107
313	3 Người mua trả tiền trước		76.683.855	-
314	2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.599.453	11.039.300
315	3 Phải trả người lao động		69.477	205.272.374
316	4 Chi phí phải trả	14	527.525.977	1.660.056.745
321	6 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		5.000	-
328	7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	4.489.873.170	3.667.054.798
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.812.166.633	26.813.344.729
410	I Vốn chủ sở hữu	16	21.812.166.633	26.813.344.729
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.100.000.000	35.100.000.000
420	4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.287.833.367)	(8.286.655.271)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.607.606.165	32.663.099.053

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
006	6 Chứng khoán lưu ký		12.773.740.000	3.909.840.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		12.773.740.000	3.909.840.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		12.773.740.000	3.909.840.000

Người lập

Thê Thị Minh Hồng

Phụ trách kế toán

Dương Thu Phương



Đỗ Thị Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu	17	3.733.406.606	7.810.331.346
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		521.280.257	59.678.668
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		181.118.719	2.863.718.538
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.082.500.000	-
01.9	Doanh thu khác		1.948.507.630	4.886.934.140
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		68.235.787	18.295.742
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3.665.170.819	7.792.035.604
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	18	1.422.708.928	11.941.785.031
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.242.461.891	(4.149.749.427)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	7.079.184.141	4.136.905.844
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.836.722.250)	(8.286.655.271)
31	8 Thu nhập khác		554.188.724	-
32	9 Chi phí khác		718.644.570	-
40	10 Lợi nhuận khác		(164.455.846)	-
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(1.425)	(2.704)

Người lập



Thê Thị Minh Hồng

Phụ trách kế toán



Dương Thu Phương



Lập ngày 22 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.343.532.117	294.538.204
03	Các khoản dự phòng		(1.283.302.229)	1.283.946.455
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.806.715.462)	(144.000.000)
06	Chi phí lãi vay		51.582.104	-
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(6.696.081.566)	(6.852.170.612)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.100.651.437)	(3.456.207.548)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		367.560.208	5.849.754.324
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		285.522.621	(2.038.432.908)
13	Tiền lãi vay đã trả		(51.582.104)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.419.912.964	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(131.271.705)	(2.557.695.970)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(15.906.591.019)	(9.054.752.714)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.944.427.709)	(4.768.284.312)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.431.818	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán		(887.902.000)	(48.221.916.200)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán		8.513.605.511	40.590.202.825
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.806.715.462	144.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.496.423.082	(12.255.997.687)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	35.100.000.000
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.468.125.000	-
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.890.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		578.125.000	35.100.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.832.042.937)	13.789.249.599
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		13.789.249.599	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	3	2.956.206.662	13.789.249.599

Người lập

Thê Thị Minh Hồng

Phụ trách kế toán

Dương Thu Phương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà 16 - Lô 14A - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 05 năm 2008, số 233/UBCK-GP ngày 27 tháng 04 năm 2009 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán công ty chứng khoán, Công ty áp dụng chế độ kế toán nêu trên. Vì vậy, một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh số 23).

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------|-------------|
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phần chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chỉ phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chỉ phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

031353
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
E-VIỆT
KIỂM TOÁN

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế suất thuế TNDN của Công ty là 25%.



3 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	47.998.763	98.995.213
Tiền gửi ngân hàng	401.136.654	11.035.386.020
Tiền đang chuyển	-	1.086.367.200
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	2.508.071.245	1.568.501.166
Cộng	2.957.206.662	13.789.249.599

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VNĐ)
a) Của Công ty Chứng khoán	-	-
b) Của người đầu tư	10.189.710	284.737.900.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	10.189.710	284.737.900.000
Tổng cộng	10.189.710	284.737.900.000

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Chứng khoán thương mại	2.723.144	7.628.426.655
- Chứng khoán niêm yết	2.723.144	6.591.551.655
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	1.036.875.000
Đầu tư ngắn hạn khác	10.258.243.294	3.286.720
- Nhận repo chứng khoán	10.000.000.000	-
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	258.243.294	3.286.720
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(644.226)	(1.283.946.455)
Cộng	10.260.322.212	6.347.766.920

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giá bình quân tại ngày 31/12/2009.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
1. Phải thu khách hàng	1.879.354.727	-
2. Trả trước cho người bán	-	3.080.707.548
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	20.000.000
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	20.000.000
4. Phải thu khác	3.248.726.670	-
- Lãi dự thu	1.266.666.663	-
- Ông Nguyễn Tuấn Dương	1.755.668.833	-
- Ông Nguyễn Hữu Quang	39.654.545	-
- Công ty CP ĐT và KD bất động sản EVS	146.793.550	-
- Phải thu khác	39.943.079	-
Cộng	5.128.081.397	3.367.207.548

53 - C
 U HAN
 VAN
 TOAN
 CAN
 TP. HA N.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Giá trị công cụ, dụng cụ	616.030.435	52.196.951
Cộng	616.030.435	52.196.951

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ	-	4.260.981.937	507.302.375	4.768.284.312
2. Số tăng trong kỳ	565.322.000	1.574.568.954	2.804.536.755	4.944.427.709
- Mua sắm mới	565.322.000	1.574.568.954	2.804.536.755	4.944.427.709
3. Số giảm trong kỳ	-	15.672.302	-	15.672.302
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.672.302	-	15.672.302
4. Số dư cuối kỳ	565.322.000	5.819.878.589	3.311.839.130	9.697.039.719
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ	-	248.434.379	46.103.825	294.538.204
2. Số tăng trong kỳ	89.053.412	981.787.903	272.690.802	1.343.532.117
- Trích khấu hao	89.053.412	981.787.903	272.690.802	1.343.532.117
3. Số giảm trong kỳ	-	1.829.098	-	1.829.098
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.829.098	-	1.829.098
4. Số dư cuối kỳ	89.053.412	1.228.393.184	318.794.627	1.636.241.223
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu kỳ	-	4.012.547.558	461.198.550	4.473.746.108
2. Cuối kỳ	476.268.588	4.591.485.405	2.993.044.503	8.060.798.496

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
35.100.000.000	Nguyên giá	9.697.039.719	0,28
	Khấu hao	(1.636.241.223)	
	Giá trị còn lại	8.060.798.496	0,23
Cộng	x	x	x

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Chi phí thành lập doanh nghiệp	848.624.467	1.460.889.266
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	288.255.385	525.346.691
Cộng	1.136.879.852	1.986.235.957

10 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.771.705	-
Số cuối năm	128.771.705	120.000.000

11 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc tiền thuê nhà)	17.783.006	2.437.695.970
- Công ty CP Tư vấn Ứng dụng & Chuyển giao KHCN C&C	-	2.437.695.970
- Ông Lương Hồng Sơn	17.783.006	-
Cộng	17.783.006	2.437.695.970

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn		
- Vay cá nhân (*)	578.125.000	-
Cộng	578.125.000	-

(*) Phụ lục số 01 của hợp đồng số 04/2009/EVS-HĐV ngày 10 tháng 09 năm 2009 giữa Công ty và Bà Trịnh Thị Mai Hương, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất vay là 7%/năm, lãi suất quá hạn là 10,5%/năm, hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Thuế TNCN	4.599.453	11.039.300
Cộng	4.599.453	11.039.300

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí thuê nhà	404.481.952	1.584.056.745
Trích trước chi phí kiểm toán	-	44.000.000
Chi phí đường truyền trang web	50.000.000	-
Trích trước chi phí điện nước	1.630.608	32.000.000
Chi phí khác	71.413.417	-
Cộng	527.525.977	1.660.056.745

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	1.058.602.730	-
Kinh phí công đoàn	959.216	4.056.500
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.424.970.344	1.549.551.668
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.005.340.880	2.113.446.630
- Tiền gửi có kỳ hạn của nhà đầu tư	-	2.112.000.000
- Công ty CP Thép Cửu Long Vinashin	1.000.000.000	-
- Khác	5.340.880	1.446.630
Cộng	4.489.873.170	3.667.054.798

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.100.000.000	-	-	35.100.000.000
LN sau thuế chưa PP	(8.286.655.271)	(5.001.178.096)	-	(13.287.833.367)
Tổng cộng	26.813.344.729	(5.001.178.096)	-	21.812.166.633

b) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.100.000.000	35.100.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	35.100.000.000	35.100.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	35.100.000.000	35.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) **Cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.510.000	3.510.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.510.000	3.510.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.510.000	3.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.510.000	3.510.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.510.000	3.510.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.733.406.606	7.810.331.346
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	521.280.257	59.678.668
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	181.118.719	2.863.718.538
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.082.500.000	-
- Doanh thu khác	1.948.507.630	4.886.934.140
Các khoản giảm trừ doanh thu	68.235.787	18.295.742
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.665.170.819	7.792.035.604

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	237.695.466	33.061.135
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.128.049.573	6.380.681.364
Chi phí dự phòng	(1.283.302.229)	1.283.946.455
Chi phí khác	59.726.823	3.457.109.709
Chi phí trực tiếp chung	1.280.539.295	786.986.368
- Chi phí nhân viên	1.065.337.647	737.398.047
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	1.162.350	140.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.065.298	48.884.425
- Chi phí khác bằng tiền	54.974.000	563.896
Cộng	1.422.708.928	11.941.785.031

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	1.251.813.283	1.031.513.234
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	133.404.677	153.025.148
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.174.040.394	655.599.208
Thuế, phí và lệ phí	71.620.000	6.330.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.907.715.743	1.983.019.580
Chi phí khác bằng tiền	540.590.044	307.418.674
Cộng	7.079.184.141	4.136.905.844

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	61.688.600	144.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	(5.062.866.696)	(8.430.655.271)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tổng lợi nhuận sau thuế	(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.001.178.096)	(8.286.655.271)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.510.000	3.064.192
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.425)	(2.704)

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2009
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN E-VIỆT
 VỤ TỰ
 LÍNH KẾ
 KIỂM TO
 KIỂM - T

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chính sách kế toán.

<u>Chi tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Trình bày trên BCTC năm trước</u>	<u>Chênh lệch</u>
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư ngắn hạn	121	7.631.713.375	-	7.631.713.375
Chứng khoán tự doanh	121	-	7.631.713.375	(7.631.713.375)
Phải trả phải nộp khác	328	3.667.054.798	2.117.503.130	1.549.551.668
Thanh toán GD chứng khoán của NĐT	332	-	1.549.551.668	(1.549.551.668)

<u>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</u>	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Trình bày trên BCTC năm trước</u>	<u>Chênh lệch</u>
Doanh thu	01	7.810.331.346	7.666.331.346	144.000.000
Thu lãi đầu tư	13	-	144.000.000	(144.000.000)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Thực hiện phân loại lại phù hợp theo hướng dẫn về lập LCTT tại thông tư 95/2008TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 "Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán của Bộ tài chính".

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

<u>Chi tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	32,66%	27,61%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	67,34%	72,39%
2. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	-136,45%	-108,35%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	-17,48%	-47,22%
3. Tình hình tài chính			
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	23,75%	17,91%
- Khả năng thanh toán			
<i>Hiện thời: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	2,83	4,04
<i>Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	2,83	4,04
<i>Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	0,44	2,36

Người lập

Thế Thị Minh Hồng

Phụ trách kế toán

Dương Thu Phương

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2010
 Tổng Giám đốc

 Đỗ Thị Huyền